

KẾ HOẠCH NĂM 2026
Xã Ba Đình, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Công văn số: /UBND-KT ngày /12/2025 của UBND xã Ba Đình)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	KH 2026/2025 (%)	Ghi chú
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU					
1	Nông nghiệp					
	- Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	3.853,58	3.483,40	90,39%	
	Trong đó: + Lúa	Tấn	3.821,30	3.451,50	90,32%	
	+ Ngô	Tấn	32,28	31,90	98,82%	
	- Một số cây trồng chủ yếu					
	+ Lúa: Diện tích	Ha	641,41	585,00	91,21%	
	Năng suất	Tạ/ha	59,58	59,00	99,03%	
	Sản lượng	Tấn	3.821,30	3.451,50	90,32%	
	+ Ngô: Diện tích	Ha	7,10	7,00	98,59%	
	Năng suất	Tạ/ha	45,46	45,50	100,09%	
	Sản lượng	Tấn	32,28	31,90	98,82%	
	+ Lạc: Diện tích	Ha	0,00			
	Năng suất	Tạ/ha	0,00			
	Sản lượng	Tấn	0,00			
	+ Đậu: Diện tích	Ha	1,34	1,00	74,63%	
	Năng suất	Tạ/ha	17,61	16,00	90,86%	
	Sản lượng	Tấn	2,36	1,60	67,80%	
	+ Sắn: Diện tích	Ha	11,00	11,00	100,00%	
	Năng suất	Tạ/ha	182,80	165,00	90,26%	
	Sản lượng	Tấn	201,08	181,50	90,26%	
	+ Rau: Diện tích	Ha	10,34	10,00	96,71%	
	Năng suất	Tạ/ha	59,63	50,00	83,85%	
	Sản lượng	Tấn	61,66	50,00	81,09%	
	+ Mía: Diện tích	Ha				
	Năng suất	Tạ/ha				
	Sản lượng	Tấn				
	- Cây lâu năm					
	+ Cây ăn quả các loại	Ha				
	Trong đó trồng mới	Ha				
	+ Cây Mắc ca	Ha				
	Trong đó trồng mới	Ha				
	- Cây công nghiệp					
	+ Cà phê xứ lạnh	Ha				
	Trong đó trồng mới	Ha				
	+ Cao su	Ha				
	Trong đó trồng mới	Ha				
	- Đàn gia súc:					
	+ Đàn trâu	Con	2.611	2.407	92,19%	
	+ Đàn bò	Con	514	514	100,00%	
	Tỷ trọng bò lai	%	55,0	55,0	100,00%	
	+ Đàn lợn	Con	2.716	2.750	101,25%	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	KH 2026/2025 (%)	Ghi chú
	+ Đàn dê					
	+ Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	324	350	108,01%	
	- Đàn gia cầm (gà, vịt, ngan)	Con				
2	Lâm nghiệp					
	- Trồng mới rừng tập trung	Ha	1.091	1.091	100,00%	
	Trong đó: + Trồng rừng phòng hộ	"				
	+ Trồng rừng sản xuất	"	1.091	1.091	100,00%	
	- Diện tích rừng trong Quy hoạch 3 loại rừng	Ha	6.876,3	6.876,3	100,00%	
	Trong đó: + Rừng phòng hộ	"	2.297	2.297	100,00%	
	+ Rừng sản xuất	"	4.579,7	4.579,7	100,00%	
	- Trồng Sâm Ngọc Linh dưới tán rừng	Ha				
	Trong đó: Diện tích trồng mới	Ha				
3	- Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	7,10	7,00	98,59%	
4	Thủy lợi					
	- Tổng diện tích được tưới	Ha	625,27	625,27	100,00%	
	Trong đó: Tưới bằng công trình kiên cố	"	474,50	474,50	100,00%	
B	VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
I	Giáo dục và đào tạo		1.294	1.333	103,01%	
1	Giáo dục mầm non công lập	Cháu	270	280	103,70%	
2	Giáo dục phổ thông công lập					
	- Tiểu học	Học sinh	544	543	99,82%	
	- Trung học cơ sở	"	480	510	106,25%	
II	Y tế					
1	Dân số trung bình	Người	7.258	7.293	100,48%	
III	Lao động, việc làm, giảm nghèo					
1	Tổng số hộ	Hộ	2.014	2014	100,00%	
2	Số hộ nghèo	"	197	130	65,99%	
3	Số hộ nghèo giảm trong năm	"	180	67	37,22%	
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới Quốc gia	%	9,78	6,45	65,99%	